

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

MÃ SỐ: 60 38 01 04

(Ban hành theo Quyết định số 4261/QĐ-DHQGHN, ngày 30 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- *Tên chuyên ngành đào tạo:*

- Tiếng Việt: Luật hình sự và tố tụng hình sự
- Tiếng Anh: Crimilaw Law and Criminal Procedure

- *Mã số chuyên ngành đào tạo:* 60 38 01 04

- *Tên ngành đào tạo:*

- Tiếng Việt: Luật
- Tiếng Anh: Law

- *Trình độ đào tạo:* Thạc sĩ

- *Tên văn bằng tốt nghiệp:*

- Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
- Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- *Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự có mục tiêu giúp người học nắm vững kiến thức lý luận cơ bản và hiện đại về khoa học pháp lý hình sự, có các kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập, phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề của thực tiễn để phục vụ tốt hơn nữa cho công việc của người học tại các cơ quan bảo vệ pháp luật - Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và Cơ quan thi hành án hình sự; hoặc các cơ quan có liên quan đến các lĩnh vực giảng dạy-nghiên cứu như các trường đại học, viện

nghiên cứu; hoặc các cơ quan xây dựng, áp dụng hoặc thực thi pháp luật như các cơ quan của chính phủ, hay các công ty luật hoặc các tổ chức quốc tế; ngoài ra người học còn có khả năng tiếp tục nghiên cứu và học tập ở bậc học tiến sĩ.

2.2. *Mục tiêu cụ thể*

2.2.1. *Về kiến thức*

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, gồm:

- Khoa học Luật hình sự
- Khoa học Luật tố tụng hình sự
- Kiến thức cơ bản về Tội phạm học
- Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý
- Phương pháp giảng dạy luật ở bậc đại học

2.2.2. *Về kỹ năng*

Trên cơ sở định hướng nghiên cứu, chương trình đào tạo chú ý đến mục tiêu trang bị và hướng dẫn người học nâng cao các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ, bao gồm: Kỹ năng tra cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực Tư pháp hình sự; Kỹ năng viết và trình bày, làm báo cáo; Kỹ năng tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật; Kỹ năng tổng hợp và xử lý thông tin; Kỹ năng thuyết trình, thuyết phục; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn...

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. *Môn thi tuyển sinh:*

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. *Đối tượng tuyển sinh:*

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

✓

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành Luật;

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành ngành phù hợp

- Danh mục các ngành phù hợp: Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh. ✓

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn

- Nắm vững nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và phương pháp giảng dạy đại học.

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

Nắm vững những kiến thức lý luận và thực tiễn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực Tư pháp hình sự, bao gồm các vấn đề trong khoa học Luật hình sự (như: tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt, chính sách hình sự, định tội danh và quyết định hình phạt...), khoa học Luật tố tụng hình sự (như: các nguyên tắc của tố tụng hình sự, chứng cứ và chứng minh, các cơ quan tiến hành tố tụng, chính sách pháp luật tố tụng hình sự...); cũng như một số kiến thức cơ bản của Tội phạm học (như: tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, các biện pháp phòng ngừa tội phạm...).

- Nắm được những kiến thức pháp luật mang tính mở rộng, tính thời sự và tính chuyên sâu theo những vấn đề hẹp hơn nữa tương ứng với ba lĩnh vực - Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự và Tội phạm học.

1.2. Chuẩn về năng lực chuyên môn

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy

trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực Tư pháp hình sự cụ thể;
- Có tư duy mạch lạc và logic trong quá trình áp dụng pháp luật;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Sử dụng ngoại ngữ để tiếp cận thông tin pháp luật nước ngoài; có đủ khả năng ngoại ngữ để giao tiếp với người nước ngoài.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Có kỹ năng tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử; đặc biệt là kỹ năng tranh tụng trong quá trình xét xử;
- Có kỹ năng truyền đạt thông tin và kỹ năng thuyết trình, hùng biện;
- Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo tổng kết các công việc thực tế phát sinh trong lĩnh vực Tư pháp hình sự;
- Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo; đề xuất các vấn đề thuộc chính sách hình sự giúp cho Chính phủ, Quốc hội;
- Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức pháp luật, thích ứng với sự thay đổi của pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp hình sự chuyên ngành;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp hình sự;
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Có trách nhiệm với cộng đồng;
- Biết tuân thủ pháp luật;
- Biết bảo vệ chân lí, ủng hộ sự đổi mới, tiến bộ.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Trung thực, nghiêm túc;
- Tôn trọng người khác và tự trọng cá nhân;
- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro, áp lực trong công việc;
- Cầu thị và có ý thức vươn lên.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có trách nhiệm trong công việc;
- Gương mẫu trong vai trò của người phụ trách;
- Chủ động, độc lập và sáng tạo trong công việc và trong phạm vi cho phép;
- Hài hòa trong các mối quan hệ.

4. Vị trí việc làm học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật học chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (i); Công tác tại các cơ quan đảng và tổ chức chính trị-xã hội (ii); Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội (iii);

- Nhóm 2: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính-chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật));

- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong

VAT

trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực Tư pháp hình sự cụ thể;
- Có tư duy mạch lạc và logic trong quá trình áp dụng pháp luật;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Sử dụng ngoại ngữ để tiếp cận thông tin pháp luật nước ngoài; có đủ khả năng ngoại ngữ để giao tiếp với người nước ngoài.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Có kỹ năng tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử; đặc biệt là kỹ năng tranh tụng trong quá trình xét xử;
- Có kỹ năng truyền đạt thông tin và kỹ năng thuyết trình, hùng biện;
- Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo tổng kết các công việc thực tế phát sinh trong lĩnh vực Tư pháp hình sự;
- Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo; đề xuất các vấn đề thuộc chính sách hình sự giúp cho Chính phủ, Quốc hội;
- Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức pháp luật, thích ứng với sự thay đổi của pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp hình sự chuyên ngành;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp hình sự;
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ. ✓

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Có trách nhiệm với cộng đồng;
- Biết tuân thủ pháp luật;
- Biết bảo vệ chân lí, ủng hộ sự đổi mới, tiến bộ.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Trung thực, nghiêm túc;
- Tôn trọng người khác và tự trọng cá nhân;
- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro, áp lực trong công việc;
- Cầu thị và có ý thức vươn lên.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có trách nhiệm trong công việc;
- Gương mẫu trong vai trò của người phụ trách;
- Chủ động, độc lập và sáng tạo trong công việc và trong phạm vi cho phép;
- Hài hòa trong các mối quan hệ.

4. Vị trí việc làm học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật học chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (i); Công tác tại các cơ quan đảng và tổ chức chính trị-xã hội (ii); Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội (iii);

- Nhóm 2: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính-chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật);

- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong

và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp;

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

5. **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự và Tội phạm học;

- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) thuộc các chuyên ngành phù hợp để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. **Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo**

Các CTĐT luật trên thế giới được thiết kế rất khác nhau, phù hợp với đặc thù của từng quốc gia. Chính vì vậy, khi thiết kế CTĐT của mình, Khoa Luật không sử dụng một CTĐT để xây dựng CTĐT của mình mà tham khảo nhiều CTĐT khác nhau. Đối với các chương trình đào tạo trong nước, Khoa Luật đã tham khảo một số các chương trình đào tạo của một số trường như: Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Học viện Khoa học Xã hội. Ngoài ra, còn tham khảo một số chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài như: CTĐT luật của Đại học Sydney Australia, CTĐT luật của Đại học Hồng Kông, CTĐT luật của Đại học Thanh Hoá, Trung Quốc. ~~VAT~~

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **64 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **8 tín chỉ**

- Khối kiến thức nhóm cơ sở và chuyên ngành: **36 tín chỉ**

+ *Bắt buộc:* **16 tín chỉ**

+ *Tự chọn:* **20/40 tín chỉ**

- Luận văn: **20 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2.		Ngoại ngữ cơ bản * <i>(Basic Foreign Language)</i>	4	30	30		
	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>(Basic English)</i>					
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản <i>(Basic Russian)</i>					
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>(Basic French)</i>					
	GER 5001	Tiếng Đức cơ bản <i>(Basic German)</i>					
	CHI 5001	Tiếng Trung cơ bản <i>(Basic Chinese)</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1.	Các học phần bắt buộc		16				

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
3.	CRL6020	Những vấn đề hiện đại về Luật hình sự <i>(Modern issues on Criminal Law)</i>	3	27	9	9	
4.	CRL6021	Những vấn đề hiện đại về Luật tố tụng hình sự <i>(Modern issues on Criminal Procedure Law)</i>	3	27	9	9	
5.	CRL6022	Lý luận về tội phạm <i>(The theories on Crimes)</i>	2	18	6	6	
6.	CRL6023	Lý luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt <i>(Theory and practice of determining the crimes and sentences)</i>	2	18	6	6	
7.	CRL6024	Quyền con người trong tư pháp hình sự <i>(Human rights in the Criminal Justice)</i>	2	18	6	6	
8.	CRL6025	Chứng minh trong tố tụng hình sự <i>(Proof in criminal proceedings)</i>	2	18	6	6	
9.	CRL6026	Lý luận về trách nhiệm hình sự và hình phạt <i>(The theory on Criminal liability and sentences)</i>	2	18	6	6	
II.2.	Các học phần lựa chọn		20/40				
10.	DES6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý <i>(Legal research methods)</i>	2	18	6	6	
11.	DES6002	Phương pháp giảng dạy môn luật bậc đại học <i>(Legal teaching methods in university)</i>	2	18	6	6	
12.	CRL6027	Những vấn đề chuyên sâu về Tội phạm học <i>(The intensive issues on Criminology)</i>	2	18	6	6	

✓

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
13.	CRL6028	Lý luận về các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự <i>(The theory on the acquittal measures in Criminal Law)</i>	2	18	6	6	
14.	CRL6029	Lý luận về xét xử vụ án hình sự <i>(The theory on Criminal Adjudication)</i>	2	18	6	6	
15.	CRL6030	Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự <i>(The preventive measures in Criminal Procedure)</i>	2	18	6	6	
16.	CRL6031	Các nguyên tắc của Luật hình sự Việt Nam <i>(The principles of Vietnam Criminal law)</i>	2	18	6	6	
17.	CRL6032	Luật hình sự nước ngoài <i>(Foreign Criminal Law)</i>	2	18	6	6	
18.	CRL6033	Các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự Việt Nam <i>(The principles of Vietnam Criminal Procedure)</i>	2	18	6	6	
19.	CRL6034	Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về kinh tế <i>(Criminal liability for economic Crimes)</i>	2	18	6	6	
20.	CRL6035	Các chủ thể của tố tụng hình sự <i>(The subjects of Criminal proceedings)</i>	2	18	6	6	
21.	CRL6036	Kiểm soát xã hội đối với tội phạm <i>(Social control of crime)</i>	2	18	6	6	
22.	CRL6037	Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam <i>(Protecting individual freedom and security by Vietnam Criminal Law)</i>	2	18	6	6	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
23.	CRL6038	Chính sách pháp luật thi hành án hình sự <i>(Policies on Criminal judgements enforcement law)</i>	2	18	6	6	
24.	CRL6039	Luật tố tụng hình sự nước ngoài <i>(Foreign Criminal Procedure Law)</i>	2	18	6	6	
25.	CRL6040	Tòa án hình sự quốc tế <i>(International Criminal Court)</i>	2	18	6	6	
26.	CRL6041	Các giai đoạn tố tụng hình sự <i>(Stages of criminal procedure)</i>	2	18	6	6	
27.	CRL6042	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về khởi tố vụ án hình sự <i>(Theory and practice of criminal institution)</i>	2	18	6	6	
28.	CRL6043	Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự <i>(International Cooperation in Criminal Proceedings)</i>	2	18	6	6	
29.	CRL6044	Những vấn đề lý luận cơ bản về hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền <i>(Fundemental theories of criminal justice system in the period of building State of Rules)</i>	2	18	6	6	
III	CRL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
		Tổng cộng	64				

Ghi chú: () Học phần ngoại ngữ là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy. Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.*